

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09 /TB-BVND1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2022

THÔNG BÁO**Xét tuyển viên chức năm 2022 của Bệnh viện Nhi đồng 1**

Căn cứ Công văn số 9830/SYT-TCCB ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Sở Y tế về phê duyệt Kế hoạch xét tuyển viên chức năm 2022 của Bệnh viện Nhi đồng 1;

Căn cứ Kế hoạch số 179/KH-BVND 1 ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bệnh viện Nhi đồng 1 về xét tuyển viên chức năm 2022;

Bệnh viện Nhi đồng 1 thông báo tổ chức xét tuyển viên chức năm 2022 như sau:

I. CHỈ TIÊU THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM: 222 chỉ tiêu

| TT | Vị trí việc làm | Chức danh cần tuyển | Khoa/ Phòng cần tuyển | Mã ngạch | Số lượng được duyệt trong đề án | Số lượng viên chức hiện có | Số lượng cần tuyển |
|---------------|-----------------|---------------------|---------------------------------|------------|---------------------------------|----------------------------|--------------------|
| Bác sĩ | | | | | 197 | 123 | 69 |
| 1 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Cấp cứu | V.08.01.03 | 19 | 09 | 07 |
| 2 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Chấn thương chỉnh hình | V.08.01.03 | 07 | 05 | 02 |
| 3 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Hô hấp | V.08.01.03 | 12 | 07 | 05 |
| 4 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Hồi sức ngoại | V.08.01.03 | 12 | 10 | 02 |
| 5 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Hồi sức tích cực chống độc | V.08.01.03 | 13 | 11 | 02 |
| 6 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Khám bệnh | V.08.01.03 | 07 | 04 | 03 |
| 7 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Hồi sức sơ sinh | V.08.01.03 | 08 | 07 | 01 |
| 8 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Đơn vị Mắt – Khoa Tai mũi họng | V.08.01.03 | 04 | 01 | 02 |

| TT | Vị trí việc làm | Chức danh cần tuyển | Khoa/ Phòng cần tuyển | Mã ngạch | Số lượng được duyệt trong đề án | Số lượng viên chức hiện có | Số lượng cần tuyển |
|----|---------------------------|---------------------|-----------------------------|------------|---------------------------------|----------------------------|--------------------|
| 9 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Ngoại tổng hợp | V.08.01.03 | 18 | 09 | 09 |
| 10 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Ngoại thận – Tiết niệu | V.08.01.03 | 04 | 02 | 02 |
| 11 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Tim mạch | V.08.01.03 | 10 | 03 | 07 |
| 12 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Nhiễm – thần kinh | V.08.01.03 | 13 | 09 | 04 |
| 13 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Nội tổng quát – hô hấp | V.08.01.03 | 08 | 07 | 01 |
| 14 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Điều trị trong ngày | V.08.01.03 | 05 | 02 | 03 |
| 15 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Răng hàm mặt | V.08.01.03 | 09 | 07 | 02 |
| 16 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Thận | V.08.01.03 | 08 | 05 | 03 |
| 17 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Tiêu hóa | V.08.01.03 | 10 | 07 | 02 |
| 18 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Tai mũi họng | V.08.01.03 | 08 | 07 | 01 |
| 19 | Giải phẫu bệnh | Bác sĩ hạng III | Khoa Giải phẫu bệnh lý | V.08.01.03 | 02 | 01 | 01 |
| 20 | Bác sĩ điều trị | Bác sĩ hạng III | Khoa Tâm lý | V.08.01.03 | 04 | 03 | 01 |
| 21 | Chi đạo tuyển | Bác sĩ hạng III | Phòng Chi đạo tuyển | V.08.01.03 | 05 | 03 | 02 |
| 22 | Bác sĩ chẩn đoán hình ảnh | Bác sĩ hạng III | Khoa CĐHA X quang | V.08.01.03 | 06 | 03 | 03 |
| 23 | Xét nghiệm | Bác sĩ hạng III | Khoa Xét nghiệm huyết học | V.08.01.03 | 03 | 01 | 02 |



| TT | Vị trí việc làm | Chức danh cần tuyển | Khoa/ Phòng cần tuyển | Mã ngạch | Số lượng được duyệt trong đề án | Số lượng viên chức hiện có | Số lượng cần tuyển |
|------------------------|--------------------------------|----------------------|---------------------------------|------------|---------------------------------|----------------------------|--------------------|
| 24 | Giám sát kiểm soát nhiễm khuẩn | Bác sĩ YHDP hạng III | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn | V.08.02.06 | 01 | 00 | 01 |
| 25 | Công tác kiểm soát nhiễm khuẩn | Bác sĩ YHDP hạng III | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn | V.08.02.06 | 01 | 00 | 01 |
| Điều dưỡng viên | | | | | 516 | 362 | 91 |
| 1 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Cấp cứu | V.08.05.12 | 30 | 13 | 02 |
| | | Điều dưỡng hạng IV | | V.08.05.13 | | 11 | 01 |
| 2 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Phòng Điều dưỡng | V.08.05.12 | 10 | 02 | 05 |
| | | Điều dưỡng hạng IV | | V.08.05.13 | | 01 | 02 |
| 3 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Hô hấp | V.08.05.12 | 40 | 03 | 09 |
| | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng IV | Khoa Hô hấp | V.08.05.13 | | | |
| 4 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Hồi sức ngoại | V.08.05.12 | 07 | 02 | 05 |
| 5 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Hồi sức sơ sinh | V.08.05.12 | 34 | 05 | 05 |
| | | Điều dưỡng hạng IV | | V.08.05.13 | | 10 | 02 |
| 6 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Hồi sức tích cực chống độc | V.08.05.12 | 18 | 17 | 01 |

Y.
 VIỆC
 ĐANG
 10/01

| TT | Vị trí việc làm | Chức danh cần tuyển | Khoa/ Phòng cần tuyển | Mã ngạch | Số lượng được duyệt trong đề án | Số lượng viên chức hiện có | Số lượng cần tuyển |
|----|-----------------------------|---------------------|--------------------------------|------------|---------------------------------|----------------------------|--------------------|
| 7 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Khám bệnh | V.08.05.12 | 20 | 04 | 01 |
| | | Điều dưỡng hạng IV | | V.08.05.13 | | 11 | 03 |
| 8 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Ngoại tổng hợp | V.08.05.12 | 25 | 04 | 04 |
| | | Điều dưỡng hạng IV | | V.08.05.13 | | 16 | 01 |
| 9 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Nội tổng quát 1 | V.08.05.12 | 14 | 10 | 01 |
| 10 | Điều dưỡng (gây mê hồi sức) | Điều dưỡng hạng III | Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức | V.08.05.12 | 15 | 14 | 01 |
| 11 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Răng hàm mặt | V.08.05.12 | 10 | 02 | 01 |
| 12 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Sơ sinh | V.08.05.12 | 45 | 13 | 05 |
| | | Điều dưỡng hạng IV | | V.08.05.13 | | 20 | 01 |
| 13 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Thận – nội tiết | V.08.05.12 | 28 | 10 | 02 |
| | | Điều dưỡng hạng IV | | V.08.05.13 | | 14 | 02 |
| 14 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Tiêu hóa | V.08.05.12 | 35 | 07 | 02 |
| | | Điều dưỡng hạng IV | | V.08.05.13 | | 18 | 03 |
| 15 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Tim mạch | V.08.05.12 | 40 | 28 | 05 |

| TT | Vị trí việc làm | Chức danh cần tuyển | Khoa/ Phòng cần tuyển | Mã ngạch | Số lượng được duyệt trong đề án | Số lượng viên chức hiện có | Số lượng cần tuyển |
|-------------------------|---------------------|---------------------|-----------------------------|------------|---------------------------------|----------------------------|--------------------|
| 16 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Tai mũi họng | V.08.05.12 | 08 | 07 | 01 |
| 17 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Vật lý trị liệu | V.08.05.12 | 01 | 0 | 01 |
| 18 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Sốt xuất huyết | V.08.05.12 | 30 | 04 | 05 |
| | | Điều dưỡng hạng IV | | V.08.05.13 | | 20 | 01 |
| 19 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Chấn thương chỉnh hình | V.08.05.12 | 13 | 07 | 06 |
| 20 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng III | Khoa Nội tổng quát - hô hấp | V.08.05.12 | 20 | 15 | 04 |
| 21 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng IV | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn | V.08.05.13 | 11 | 07 | 02 |
| 22 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng IV | Khoa Ngoại thận - tiết niệu | V.08.05.13 | 07 | 04 | 02 |
| 23 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng IV | Khoa Nhiễm - thần kinh | V.08.05.13 | 34 | 23 | 01 |
| 24 | Điều dưỡng chăm sóc | Điều dưỡng hạng IV | Khoa Điều trị trong ngày | V.08.05.13 | 21 | 15 | 02 |
| Dược sĩ hạng III | | | | | 31 | 11 | 06 |
| 1 | Nghiệp vụ dược | Dược sĩ hạng III | Khoa Dược | V.08.08.22 | 06 | 03 | 01 |
| 2 | Thống kê dược | Dược sĩ hạng III | Khoa Dược | V.08.08.22 | 05 | 03 | 01 |
| 3 | Dược lâm sàng | Dược sĩ hạng III | Khoa Dược | V.08.08.22 | 20 | 05 | 04 |

| TT | Vị trí việc làm | Chức danh cần tuyển | Khoa/ Phòng cần tuyển | Mã ngạch | Số lượng được duyệt trong đề án | Số lượng viên chức hiện có | Số lượng cần tuyển |
|--|--------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------|---------------------------------|----------------------------|--------------------|
| Dược hạng IV | | | | | 46 | 32 | 14 |
| 1 | Kho và cấp phát | Dược hạng IV | Khoa Dược | V.08.08.23 | 46 | 32 | 14 |
| Kỹ thuật Y hạng III | | | | | 60 | 45 | 13 |
| 1 | Xét nghiệm | Kỹ thuật Y hạng III | Khoa Xét nghiệm huyết học | V.08.07.18 | 28 | 21 | 07 |
| 2 | Xét nghiệm | Kỹ thuật Y hạng III | Khoa Xét nghiệm sinh hóa | V.08.07.18 | 20 | 15 | 03 |
| 3 | Xét nghiệm | Kỹ thuật Y hạng III | Khoa Xét nghiệm vi sinh | V.08.07.18 | 12 | 09 | 03 |
| Y tế công cộng hạng III | | | | | 04 | 02 | 02 |
| 1 | Giám sát kiểm soát nhiễm khuẩn | YTCC hạng III | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn | V.08.04.10 | 01 | 00 | 01 |
| 2 | Chỉ đạo tuyển | YTCC hạng III | Phòng Chỉ đạo tuyển | V.08.04.10 | 03 | 02 | 01 |
| Công tác xã hội hạng III | | | | | 06 | 03 | 03 |
| 1 | Công tác xã hội | Công tác xã hội hạng III | Phòng Công tác xã hội | V.09.04.02 | 06 | 03 | 03 |
| Nhân viên công tác xã hội (hạng IV) | | | | | 04 | 01 | 03 |
| 1 | Công tác xã hội | Nhân viên CTXH hạng IV | Phòng Công tác xã hội | V.09.04.03 | 04 | 01 | 03 |
| Cử nhân khúc xạ nhãn khoa | | | | | 03 | 0 | 03 |
| 1 | Khúc xạ nhãn khoa | Khúc xạ nhãn khoa (hạng III) | Đơn vị Mắt – Khoa Tai mũi họng | V.08.11.30 | 03 | 0 | 03 |
| Chuyên viên (hạng III) | | | | | 23 | 13 | 08 |
| 1 | Cấp phát, cung ứng vật tư | Chuyên viên hạng III | Phòng Vật tư trang thiết bị | 01.003 | 04 | 02 | 02 |
| 2 | Tâm lý | Chuyên viên hạng III | Khoa Tâm lý | 01.003 | 02 | 01 | 01 |

5.
BÊN
SỞ
Y TẾ

| TT | Vị trí việc làm | Chức danh cần tuyển | Khoa/ Phòng cần tuyển | Mã ngạch | Số lượng được duyệt trong đề án | Số lượng viên chức hiện có | Số lượng cần tuyển |
|-------------------------------------|---|-----------------------|---------------------------|------------|---------------------------------|----------------------------|--------------------|
| 3 | Thư viện | Chuyên viên hạng III | Phòng Kế hoạch tổng hợp | 01.003 | 01 | 0 | 01 |
| 4 | Quản trị công sở | Chuyên viên hạng III | Phòng Hành chính quản trị | 01.003 | 08 | 06 | 02 |
| 5 | Công nghệ thông tin | Chuyên viên hạng III | Phòng Công nghệ thông tin | 01.003 | 08 | 04 | 02 |
| Cán sự hạng IV | | | | | 02 | 01 | 01 |
| 1 | Hành chính tổng hợp | Cán sự | Phòng Hành chính quản trị | 01.004 | 02 | 01 | 01 |
| Kỹ sư hạng III | | | | | 09 | 04 | 03 |
| 1 | Dinh dưỡng lâm sàng | Kỹ sư hạng III | Khoa Dinh dưỡng | V.05.02.07 | 04 | 01 | 01 |
| 2 | Nhân viên quản lý chất lượng Xét nghiệm | Kỹ sư hạng III | Khoa Xét nghiệm Vi sinh | V.05.02.07 | 05 | 03 | 02 |
| Kỹ thuật viên hạng IV | | | | | 17 | 08 | 03 |
| 1 | Dinh dưỡng tiết chế | Kỹ thuật viên hạng IV | Khoa Dinh dưỡng | V.05.02.08 | 02 | 01 | 01 |
| 2 | Công nghệ thông tin | Kỹ thuật viên hạng IV | Phòng Công nghệ thông tin | V.05.02.08 | 04 | 02 | 01 |
| 3 | Quản trị công sở | Kỹ thuật viên hạng IV | Phòng Hành chính quản trị | V.05.02.08 | 11 | 05 | 01 |
| Nhân viên hỗ trợ khoa, phòng | | | | | 56 | 20 | 01 |
| 1 | Nhân viên hỗ trợ khoa, phòng | Cán sự | Khoa CDHA Siêu âm | 01.004 | 56 | 20 | 01 |
| Kế toán viên (hạng III) | | | | | 26 | 22 | 01 |
| 1 | Tài chính kế toán | Kế toán viên | P. Tài chính kế toán | 06.031 | 26 | 22 | 01 |

Y
VI
DUN
HO

| TT | Vị trí việc làm | Chức danh cần tuyển | Khoa/ Phòng cần tuyển | Mã ngạch | Số lượng được duyệt trong đề án | Số lượng viên chức hiện có | Số lượng cần tuyển |
|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|----------|---------------------------------|----------------------------|--------------------|
| Kế toán viên (hạng IV) | | | | | 29 | 27 | 01 |
| 1 | Kế toán (thu viện phí) | Kế toán viên trung cấp | P. Tài chính kế toán | 06.032 | 29 | 27 | 01 |
| Tổng cộng: | | | | | 1029 | 674 | 222 |

II. HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG XÉT TUYỂN:

1. Hình thức:

- **Vòng 1:** Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2 theo quy định.
- **Vòng 2:**
 - a) Phỏng vấn để kiểm tra năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.
 - b) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

2. Nội dung:

- a) Kiến thức chung (30 điểm).
- b) Kiến thức chung về chuyên môn, nghiệp vụ (70 điểm): được phỏng vấn với nội dung theo từng vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp.
- c) Thời gian phỏng vấn: 30 phút.
- d) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức:

- a) Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:
 - Có kết quả điểm tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên (*đạt từ 50% điểm trở lên đối với từng phần phỏng vấn*).
 - Có số điểm tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.
- b) Trường hợp có từ 2 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.
- c) Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2.
- d) Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

III. ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN:

1. Về điều kiện dự tuyển:

Người đăng ký dự tuyển phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp, có đủ các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định như sau:

- a) Có Phiếu đăng ký dự tuyển;
- b) Có lý lịch rõ ràng;
- c) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề phù hợp với vị trí việc làm (người trúng tuyển sẽ được thực hiện xác minh văn bằng, chứng chỉ theo quy định).
- d) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.
- e) Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do Bệnh viện Nhi đồng 1 xác định tại biểu chỉ tiêu tuyển dụng (đính kèm), không phân biệt loại hình đào tạo.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức: Theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức năm 2010 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 12 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 như sau:

“2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a/ Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.*
- b/ Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng”.*

3. Tiêu chuẩn từng vị trí gắn với chức danh nghề nghiệp:

- a) Văn bằng chuyên môn (theo biểu chỉ tiêu đính kèm).
- b) Yêu cầu về chứng chỉ tin học, ngoại ngữ theo vị trí cần tuyển (theo biểu chỉ tiêu đính kèm).

Lưu ý:

- Đối với các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C được cấp trước ngày 10/8/2016 thì được công nhận tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.
- Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình giáo dục thường xuyên (chứng chỉ A, B, C) được cấp trước ngày 15/01/2020 vẫn có giá trị sử dụng theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo bãi bỏ các quy định về kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình giáo dục thường xuyên tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cấp sau ngày 15/5/2019 phải theo danh mục các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi, cấp chứng chỉ do Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố (theo Thông báo số 138/TB-QLCL ngày 08/02/2021 của Cục Quản lý chất lượng).
- Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.
- Người trúng tuyển được thực hiện xác minh văn bằng, chứng chỉ theo quy định.



4. Đối tượng và điểm ưu tiên:

- a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;
- b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.
- c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

5. Hồ sơ tham gia dự tuyển:

a) Tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu được ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của BV Nhi đồng 1.

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp Phiếu đăng ký dự tuyển tại địa điểm tiếp nhận hoặc gửi theo đường bưu chính hoặc qua trang thông tin điện tử của Phòng Tổ chức cán bộ - Bệnh viện Nhi đồng 1: p.tccb@nhidong.org.vn (mang bản chính các văn bằng để đối chiếu)

Lưu ý: Trường hợp có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

b) Hồ sơ dự tuyển sau khi có thông báo kết quả tuyển dụng viên chức

Khi có thông báo kết quả tuyển dụng viên chức theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến Phòng Tổ chức cán bộ - Bệnh viện Nhi đồng 1 để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển được cơ quan có thẩm quyền chứng thực hoặc nộp bản sao từ sổ gốc xuất trình kèm bản chính để đối chiếu; trường hợp có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được cấp có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định tại Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về trình tự, thủ tục



công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp; chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã- phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- Bản sao giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân (thẻ căn cước công dân);
- Giấy chứng nhận sức khỏe có kết luận đủ sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe.
- Đối với người có giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp thì giấy khám sức khỏe được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 6 tháng kể từ ngày được cấp. Giấy khám sức khỏe phải được dịch sang tiếng Việt có chứng thực bản dịch.
- Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có), được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

c) Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì Giám đốc Bệnh viện Nhi đồng 1 ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển. Người đăng ký dự tuyển phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của những giấy tờ trong hồ sơ dự tuyển.

d) Thí sinh không được bổ sung các giấy tờ xác nhận chế độ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả tuyển dụng.

e) Thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm theo nhu cầu tuyển dụng của Bệnh viện Nhi đồng 1, nếu thí sinh nào đăng ký dự tuyển từ 02 vị trí việc làm trở lên sẽ bị xóa tên trong danh sách dự tuyển hoặc hủy kết quả xét tuyển. Hồ sơ dự tuyển không hoàn lại.

f) Giám đốc Bệnh viện Nhi đồng 1 phân công Phòng Tổ chức cán bộ cử một chuyên viên có trách nhiệm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển và hồ sơ dự tuyển của những ứng viên đủ điều kiện theo quy định và chịu trách nhiệm về việc từ chối tiếp nhận hồ sơ.

IV. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, LỆ PHÍ

1. Thời gian tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển: Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người dự tuyển là 30 ngày, kể từ ngày 12/01/2022 đến hết ngày 10/02/2022.

Lưu ý: Trường hợp có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện Nhi đồng 1 và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.



2. Địa điểm tiếp nhận phiếu:

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển tại địa điểm tiếp nhận hoặc gửi theo đường bưu chính hoặc qua trang thông tin điện tử p.tccb@nhidong.org.vn của Phòng Tổ chức cán bộ, Bệnh viện Nhi đồng 1.

3. Lệ phí xét tuyển: 400.000 đồng/ người.

4. Thông tin liên hệ:

Phòng Tổ chức cán bộ, Bệnh viện Nhi đồng 1
341 Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, TP.HCM
Điện thoại: 028. 39 27 1119 (số nội bộ 110).

V. THÔNG BÁO NGƯỜI ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ PHÒNG VẤN

Dự kiến từ ngày 01/03/2022 đến ngày 04/03/2022 niêm yết công khai danh sách những người đủ điều kiện tham dự xét tuyển (vòng 2) tại bảng tin của Bệnh viện Nhi đồng 1 và thông báo trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện <http://nhidong.org.vn>.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN PHÒNG VẤN

Dự kiến từ ngày 16/03/2022 đến ngày 18/03/2022: Phòng vấn đề kiểm tra năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển (thời gian chính thức sẽ thông báo cụ thể sau).

Trên đây là thông báo xét tuyển viên chức năm 2022 của Bệnh viện Nhi đồng 1. /

Nơi nhận:

- Sở Y tế TP.HCM (để báo cáo);
- Phòng CNTT (đăng website bệnh viện);
- Lưu: VT, TCCB.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hùng